TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2023/DS-PT
Ngày: 28-11-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLPT-DS ngày 30/10/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1973; cư trú tại số B, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: số B, tổ C, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2023).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; địa chỉ liên lạc: số I, Lầu E, đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Bá Gia B, sinh năm 1984; địa chỉ: số I, Lầu E, đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trịnh Đức D, sinh năm 1979; địa chỉ: số I, Lầu E, đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Công ty TNHH M1, đoàn Luật sư Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1973; cư trú tại số B, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S – Bị đơn.

(Ông T, bà B và Luật sư D có mặt, bà M, bà S, ông K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà M có cho bà S vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 12/04/2019 cho vay 150.000.000 đồng, ngày 16/4/2019 cho vay 350.000.000 đồng, ngày 18/4/2019 cho vay 400.000.000 đồng, ngày 19/4/2019 cho vay 100.000.000 đồng, ngày 26/04/2019 cho vay 200.000.000 đồng. Việc cho vay tiền hai bên có lập giấy viết tay, giấy do bà S trực tiếp viết nội dung, ký và ghi rõ họ tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, chỉ có khoản vay ngày 12/4/2019 bà S tự ghi "*lãi suất 30/100/tháng*". Về thời hạn trả nợ cũng không thỏa thuận cụ thể, do bà S vay tiền của bà M để mua phân bón nên chỉ hẹn bán được phân bón sẽ trả tiền cho bà M trong vòng vài tháng. Đến ngày 26/4/2019 bà S có chốt nợ với bà M, tổng cộng bà S có nợ bà M số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng. Đến cuối năm 2019 bà M có gọi điện đòi tiền bà S nhiều lần nhưng bà S chỉ khất nợ bằng miệng nói sẽ trả nợ sớm nhưng sau đó gọi điện cũng không nghe, tìm cũng không gặp được bà S, nhắn tin cũng không trả lời nên bà S chưa trả tiền nợ gốc và lãi cho bà M.

Ngoài ra vào ngày 12/4/2019 bà S có thuê 01 nhà kho của vợ chồng bà M để chứa phân bón, hai bên có làm hợp đồng thuê kho bằng giấy tay, thời hạn thuê kho là 01 năm, địa điểm thuê kho là thửa đất 264a, tờ bản đồ F.136.II.B 02 tại khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, số tiền là 10.000.000 đồng/tháng, từ khi thuê kho đến nay bà S chưa trả tiền cho bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà M và người đại diện theo ủy quyền của bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: đối với việc bà S thuê nhà kho của bà M thì bà M xin rút yêu cầu và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này, đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay bà M rút yêu cầu tính lãi từ 1,66%/tháng xuống còn 0,83%/tháng. Nay bà M yêu cầu bà S có trách nhiệm

trả cho vợ chồng bà M số tiền vay nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 0.83%/tháng kể từ ngày 19/10/2022 tạm tính đến ngày 19/7/2023 với số tiền là 108.000.000 đồng.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Bá Gia B trình bày: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 1.200.000.000 đồng gồm 05 lần như nguyên đơn trình bày trên là đúng. Việc vay tiền hai bên có lập giấy tờ, giấy vay tiền do bà S trực tiếp viết và ký tên. Tuy nhiên để vay được số tiền trên của bà M thì bà M yêu cầu bà S phải thế chấp phân bón hóa học các loại cho bà M thì bà M mới cho bà S vay tiền. Việc vay tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán, không thỏa thuận lãi suất nhưng bà M yêu cầu mỗi lần bà S lấy phân bón hóa học đi bán thì phải chia lợi nhuận cho bà M là 1/3 theo giá thị trường tại thời điểm bán ra. Trong trường hợp bà S muốn lấy toàn bộ lượng phân bón hóa học ra khỏi kho của bà M thì bà S phải thanh toán toàn bộ tiền vay cho bà M. Tổng số phân bón hóa học mà bà S đảm bảo khoản vay nêu trên của bà M là 400 tấn, trị giá khoảng 3.000.000.000 đồng.

Trong quá trình từ năm 2019 đến năm 2020 bà S đã lấy phân bón hóa học ra 05 lần và đã trả cho bà M số tiền là 430.000.000 đồng gồm ngày 13/7/2019 trả 100.000.000 đồng, ngày 03/9/2019 trả 50.000.000 đồng, ngày 16/9/2019 trả 50.000.000 đồng, ngày 19/3/2020 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/6/2020 trả 180.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 09/02/2021 bà S có trả cho ông K là chồng bà M số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà S đã trả cho bà M số tiền tiền nợ gốc là 530.000.000 đồng nên bà S chỉ còn nợ bà M số tiền 670.000.000 đồng. Về tiền lãi bà S có trả cho bà M số tiền 4.500.000 đồng đối với khoản nợ 150.000.000 đồng vay ngày 12/4/2019. Nay bà S chỉ đồng ý có trách nhiệm trả cho bà M số tiền nợ gốc là 670.000.000 đồng và lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 19/10/2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thuê nhà kho và rút một phần yêu cầu tính lãi của phía nguyên đơn thì bị đơn không có ý kiến gì. Đối với số tiền lãi bà S đã trả cho bà M thì bà S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Theo bản tự khai ông Phạm Ngọc K trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi phát sinh là 108.000.000 đồng. Ông không có ý kiến gì về việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thuê nhà kho và rút một phần yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 40/2023/DS-ST ngày 17/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh M về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ánh M số tiền vay gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng); tiền lãi là 98.604.000 đồng (Chín mươi tám triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tranh chấp hợp đồng thuê nhà kho với số tiền 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ 1,66%/tháng xuống còn 0,83%/tháng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án do không đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông B là người đại diện theo ủy quyền của bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S, đình chỉ xét xử vụ án do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà M không đồng ý với kháng cáo của bà S, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà M có cho bà S vay tiền nhiều lần với số tiền tổng cộng là 1.200.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Bà M cho rằng đã gọi điện thoại cho bà S nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà S không trả. Bà S và người đại diện theo ủy quyền của bà S thừa nhận bà S có nợ của bà M số tiền trên nhưng do phía nguyên đơn vi phạm về nghĩa vụ báo trước nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

Về thời hiệu khởi kiện: Theo các giấy vay tiền nguyên đơn xuất trình đều không ghi thời hạn trả nợ nên cần xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 *"1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý"*. Nguyên đơn cho rằng đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả. Tại bản tự khai ngày 17-5-2023 (BL số 87) người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: "Khoảng tháng 3/2021 bị đơn nhận thấy khả năng trả tiền vay gặp khó khăn nên đề nghị nguyên đơn cấn trừ phân bón nhưng nguyên đơn không đồng ý và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay". Do đó, có căn cứ xác định bị đơn bà S đã được nguyên đơn thông báo việc trả khoản nợ đã vay. Đồng thời bị đơn cũng biết được việc phải trả nợ cho nguyên đơn nên mới đề nghị nguyên đơn cho cấn trừ tiền vay bằng phân bón nhưng nguyên đơn không đồng ý. Bị đơn là người vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng như chứng cứ nguyên đơn xuất trình. Do đó, có căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn nên bị đơn cho rằng nguyên đơn không thông báo thời gian hợp lý để trả nợ vay và đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do không đủ điều kiện khởi kiện là không có căn cứ.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu bà S trả số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng theo các lần vay tiền tại *"Giấy ghi nợ"* (BL 73) quá trình giải quyết vụ án bà S thừa nhận có vay số tiền 1.200.000.000 đồng của bà M. Tuy nhiên, bà S cho rằng khi vay tiền của bà M thì bà S có thế chấp phân bón hóa học các loại, đồng thời mà S muốn lấy phân bón hóa học ra thì phải trả cho bà M 1/3 lợi nhuận từ việc bán phân bón. Từ năm 2019 đến năm 2020 bà S đã lấy phân bón ra 05 lần và đã trả cho bà M số tiền là 530.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền còn lại là 670.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà S không xuất trình được chứng cứ chứng minh, trong khi bà M không thừa nhận.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng, sau đó bà M đã rút một phần yêu cầu và chỉ yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà S có trách nhiệm trả cho bà M số tiền lãi từ ngày 21/10/2022 (ngày đơn khởi kiện đến Tòa) đến ngày 17/8/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 09 tháng 27 ngày. Cụ thể là 1.200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 9 tháng 27 ngày = 98.604.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi từ 1,66%/tháng xuống còn 0,83%/tháng xuống 0,83%/tháng và rút yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng thuê nhà kho với số tiền 400.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án buộc bà S trả cho bà M số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng và 98.604.000 đồng tiền lãi là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh M về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" với bị đơn bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ánh M số tiền 1.298.604.000 đồng *(Một tỷ hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm linh bốn nghìn đồng)*, trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là 98.604.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc Nguyễn Thị S phải chịu 50.958.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005933 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà S còn phải nộp số tiền 50.958.000 đồng án phí còn thiếu.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 40.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005546 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà M số tiền 40.100.000 đồng án phí còn thừa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS tp. Bảo Lộc;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt